

HOẠT ĐỘNG QUAN SÁT CỦA GIÁO VIÊN TRONG DẠY HỌC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

NGUYỄN THỊ THU HIỀN*

Ngày nhận bài: 27/10/2016; ngày sửa chữa: 09/11/2016; ngày duyệt đăng: 11/11/2016.

Abstract: Observation of teacher plays an important role in success of teaching, said by modern teaching theory. In this article, author highlights importance of observation of teacher in teaching reading comprehension. Also, the article points out requirements for observation activity of teacher in teaching reading comprehension with aim to improve effectiveness of interaction between teacher and students as well as enhance teaching quality.

Keywords: Observation, reaction, recognition, comprehension.

Gọi tên *hoạt động quan sát* (HĐQS) trong dạy đọc hiểu văn bản (ĐHVB) là chú trọng đến quá trình tương tác giữa giáo viên (GV) - học sinh (HS), cả 2 vai: người quan sát (QS) là GV và đối tượng được QS là HS. Nếu trong giờ dạy ĐHV, hoạt động này không kết nối được người QS và đối tượng QS thì sự ngăn cách giữa người dạy và người học sẽ càng lớn. Trong những giờ đọc hiểu (ĐH), sự tách rời giữa người QS và đối tượng QS chính là nguyên nhân tạo nên khoảng cách giữa văn bản (VB) và người đọc. Do vậy, QS là một hoạt động cần thiết để GV tổ chức và điều khiển lớp học đạt hiệu quả cao, đặc biệt là trong việc vận dụng vào hoạt động dạy học ĐHV.

1. Cách hiểu khái niệm “quan sát” (Observer)

“QS khoa học là phương pháp tri giác đối tượng một cách có hệ thống để thu thập thông tin về đối tượng. Đây là một hình thức quan trọng của nhận thức kinh nghiệm thông tin, nhờ QS mà ta có thông tin về đối tượng” [1; tr 79].

John Dewey, trong **Cách ta nghĩ**, cho rằng trong HĐQS “vấn đề mục đích và động cơ là tối quan trọng” [2; tr 314]. Theo đó, ông cũng nhấn mạnh: “QS là một quá trình chủ động” [2; tr 317]. Về HĐQS trong nhà trường, John Dewey cũng phát hiện rằng: “QS tức là khám phá, là tra vấn với mục đích khám phá ra điều gì trước đó còn khuất lấp và chưa được biết tới, mà điều này là cần thiết để đạt đến một mục đích thực tế hay lí thuyết nhất định” [2; tr 317].

Như vậy, quan điểm của nhà giáo dục John Dewey về HĐQS trong dạy học là GV phải chủ động, có mục đích và động cơ để khám phá điều chưa biết (kể cả việc dùng sự tra vấn trong khi QS). Để làm sáng tỏ mục đích khám phá trong HĐQS trong dạy học, ông phê phán quan điểm cho rằng: “QS được cho là cung cấp những nguyên liệu thô để sau này những quá trình suy xét, phản ánh mới đem ra vận dụng” [2; tr 310]. Ông cũng phân biệt sự khác nhau

giữa QS khám phá và QS thông thường: “Sự QS phải được phân biệt khác với sự nhận ra, hay sự nhận thức điều gì quen thuộc” ở chỗ: “Sự nhận ra đem quy chiếu vào cái đã biết; còn sự QS thì liên quan đến sự thấu tóm cái chưa biết” [2; tr 318]. Từ việc nhận thức tầm quan trọng trong HĐQS với việc rèn luyện năng lực tư duy cho HS, John Dewey cho rằng HĐQS là hoạt động khoa học để “tìm kiếm sự thực trong QS đích thực” [2; tr 318].

Từ quan niệm trên, có thể hiểu: *HĐQS là quá trình chủ động xem xét, tìm kiếm, khám phá đối tượng để đạt được sự hiểu biết một cách chân xác, toàn vẹn về đối tượng đó*. Khi GV tự đặt mình ở nhiều vị trí QS trong hoạt động dạy học, QS chính là trải nghiệm, là phương cách tối ưu để GV đạt được sự hiểu biết đầy đủ và sâu sắc về người học. HĐQS chính là tiền đề cho những nhìn nhận, diễn giải, lựa chọn chuẩn xác về phương pháp: QS là kiểm soát, QS để điều chỉnh, QS để kết nối, QS là cơ sở để đánh giá...

2. Tầm quan trọng của HĐQS trong dạy ĐHV

2.1. Tầm quan trọng của HĐQS với GV.

Trong hướng dẫn HS ĐH, GV không thể xa rời HĐQS. QS là một phần việc quan trọng phải được thực hiện trong hoạt động chung của giờ ĐH. HĐQS giúp GV là chủ thể QS trong tương tác với đối tượng được QS (HS) mang lại hiệu quả:

2.1.1. *Thấu hiểu HS, khai thông kênh tiếp nhận giữa người đọc và VB*. Dạy ĐHV không chỉ là tìm kiếm những thông tin hiển hiện hoặc chìm khuất trong một VB, mà còn tạo cơ hội để người học tìm hiểu những VB mới, tìm kiếm cách thức tiếp nhận VB mới và có được năng lực ĐHV. Khi người dạy thiết lập được mối quan hệ với người học bằng sự hữu tâm cao độ, sự thấu hiểu và nhận thức đúng đắn sẽ xuất hiện. Lắng nghe HS nói cũng là một biểu hiện của QS. Khi

* Sở Giáo dục - Đào tạo TP. Hồ Chí Minh

đó GV hiểu HS cần ở VB đọc điều gì, đang chú tâm nội dung gì ở VB. GV cũng hiểu họ phải làm gì tiếp theo để kết nối chặt chẽ, hợp lí hơn nữa giữa người đọc và VB. Từ sự QS và thấu hiểu, GV không ngừng tìm kiếm giải pháp cho từng tình huống phát sinh ngay trong quá trình giảng dạy.

2.1.2. Trí nghĩ đầy hứng thú, luôn suy nghĩ, vận động. QS nghĩa là GV mở cửa mọi giác quan cùng khả năng suy xét để tìm kiếm sự hiện hữu, tồn tại và biến chuyển của nhận thức, tâm lí, thái độ, kĩ năng của người học. Nếu GV thiếu khả năng QS hoặc không chú trọng đúng mức HĐQS trong giờ dạy ĐHV B thì sự nhận biết về những hoạt động cần làm và sự ứng biến linh hoạt cũng biến mất. Thay vào đó là những kết luận, nhận định thiếu cận, hạn hẹp về cách thức ĐH, chủ thể ĐH lẫn VB ĐH.

Để đạt được sự thấu hiểu, người QS không phải từ điểm nhìn bên ngoài mà phải QS tại vị trí người trong cuộc. Nghĩa là có thời điểm trong giờ dạy ĐHV B, vai “người QS” (GV) lúc này tương đồng với người học, người đang thụ hưởng nhận thức và kĩ năng học ĐH. Đặt mình vào vị trí người học (người được QS) để QS rõ động cơ tiếp nhận, tâm thế tiếp nhận, kĩ năng tiếp nhận của HS. Khi QS, cảm xúc mới có cơ hội bùng lên bởi sự chú tâm với công việc giảng dạy - như huấn luyện viên trên trường đấu, đạt ở mức cao nhất. QS không còn dừng ở một đối tượng mà liên tục vận động. Người QS có thể đi từ phát hiện này đến phát hiện khác, điều mà họ không thể có nếu chỉ nhìn giới hạn một điểm.

Khi QS, GV có thể lượng hóa được mức độ tiếp nhận của HS đồng thời đưa ra giải pháp thích hợp. Ý nghĩa của HĐQS là đi từ cấp độ nhận biết đến thấu hiểu. Sự hiểu biết của GV về năng lực của HS đưa đến “tâm nhìn” cho GV giỏi. Điều này làm nên hứng thú, khích lệ mọi hoạt động của GV trong giờ dạy ĐHV B.

2.2. Hiệu quả của HĐQS với HS

2.2.1. Sự QS của GV tạo ra động lực đối với HS.

Dạy học theo chương trình giáo dục định hướng phát triển năng lực, việc kiểm tra, đánh giá được chú trọng trong cả quá trình chứ không chỉ là đánh giá tổng kết. Mức độ phân hóa về năng lực tiếp nhận VB diễn ra trong cả quá trình HS học cách tiếp nhận VB và tạo lập VB. Nhờ HĐQS, dưới tác động của GV, HS sẽ ý thức sâu sắc hơn về hoạt động của bản thân, sẽ hào hứng và nỗ lực nhiều hơn trong quá trình học ĐH. Sự QS của GV tạo ra động lực đối với HS như: - Kích thích các hoạt động nhận thức, tiếp cận VB và tìm ra kinh nghiệm đọc cho riêng mình; - Bù đắp khoảng trống năng lực thực tiễn của người đọc tại thời điểm tiếp nhận VB (VB tĩnh).

2.2.2. Sự QS giúp người học tự điều chỉnh kịp thời.

Trong dạy ĐHV B, các kĩ năng cần thiết cho môn học như: phương pháp đọc VB, tiếp nhận VB theo từng thể loại,... các kĩ năng thực tiễn như: thu thập xử lí thông tin, giao tiếp, xử lí tình huống được nảy sinh,... của HS được phát lộ ngay khi giờ học đang diễn ra, chứ không phải chờ đợi đến bài kiểm tra định kì mới nhìn thấy được. HĐQS của GV trong tương tác với đối tượng QS là HS đã cho ra kết quả đánh giá năng lực ĐH của HS tại thời điểm việc tiếp nhận VB đang diễn ra. Quá trình tiếp nhận VB, năng khiếu cũng như mọi lỗ hổng về năng lực của HS đều được khai lộ trong cặp mắt QS “tinh đời” của người dạy. GV là người điều tiết và chỉnh sửa kịp thời những sai lệch, những non yếu, vụng về của người học. Hoạt động của GV - huấn luyện viên, người hướng dẫn - là hỗ trợ cho HS tự điều chỉnh, tự chịu trách nhiệm về hoạt động học tập của mình. Sự QS, theo dõi, điều chỉnh kịp thời giúp người học phát huy được tính tích cực trong học ĐH là: chủ động tự đọc, tự học, sáng tạo.

Nói tóm lại, QS trong dạy ĐHV B là một hoạt động chiếm vị trí quan trọng, giúp kết nối giữa người dạy - người học, từ đó khai thông kênh tiếp nhận giữa người đọc và VB; trong hoạt động dạy học, khi GV QS hành vi, thái độ, tâm lí, nhận thức,... của HS, họ mới có thể “truy cập” những dữ kiện về khả năng sẵn có để thực hiện các hoạt động. Thực tế dạy học ĐHV B không có mô hình cứng nhắc, duy nhất nào để áp dụng trong thực tiễn một cách bất di, bất dịch. Do vậy, từ sự nhận biết, thấu hiểu về đối tượng một cách đầy đủ, toàn diện nhờ HĐQS, GV không ngừng tìm kiếm giải pháp cho từng tình huống phát sinh. Thông qua HĐQS, người QS không chỉ là người điều khiển người đọc tiếp nhận VB mà đồng thời là người kiên trì theo dõi, nhìn nhận, đánh giá khả năng tiếp nhận và cách thức tiếp nhận VB ở người đọc. Quá trình QS, theo dõi diễn ra trong dạy ĐHV B giúp GV có những thông tin kịp thời về HS, hỗ trợ cho HS tự điều chỉnh, tự chịu trách nhiệm về hoạt động học tập của mình.

3. Yêu cầu của HĐQS trong dạy ĐHV B

3.1. QS chủ động, có mục tiêu và động cơ là yêu cầu quan trọng nhất của tư duy nhận biết.

Theo quan điểm của John Dewey, QS chủ động, có mục đích và động cơ để khám phá điều chưa biết là điều tối quan trọng của tư duy nhận biết mà GV cần thực hiện trong dạy học. Ông đã nói về hậu quả của sự thụ động trong hoạt động tư duy của con người: “Chúng nào chúng ta còn thụ động đặt mình trước các đối tượng, khi đó chúng còn chưa được tách bạch ra khỏi sự mơ hồ vốn nuốt gọn toàn bộ chúng” [2; tr 203]. Bởi QS là một quá trình khám phá, suy xét những vấn

đề còn khuất lấp, từ đó nắm bắt được sự thật ở độ chân xác. Hoạt động dạy học không thể là sự vận hành một cách máy móc, xơ cứng, ở đó thiếu chiều sâu của sự hiểu biết, tức sự thấu tóm cái chưa biết nhờ kết quả QS. HĐQS được đặt ra khi người dạy trần trở, tìm lời giải đáp cho câu hỏi: Điều gì đang xảy ra? Sự việc đang diễn biến như thế nào? Điều gì sẽ xảy ra tiếp theo đó? Sự việc này, hoạt động kia sẽ diễn biến theo chiều hướng nào? Người dạy không chỉ đơn thuần QS để kiểm tra một ý tưởng thu thập thông tin về đối tượng (HS) mà là qua sự việc được QS, người dạy xác định được bản chất của vấn đề. Trên cơ sở đó, GV tiến hành các bước tìm tòi và khám phá tiếp theo.

Trong dạy ĐH, GV QS từ hành động đến thái độ của HS khi tiếp cận VB. GV cũng QS từ cụ thể đến bao quát: cách thức tiếp xúc VB mà mỗi HS biểu hiện (qua ngữ điệu đọc, ánh mắt cử chỉ, tâm trạng, ý kiến, phản hồi,...). GV là người phát hiện, khai thác nguồn năng lực tự nhiên sẵn có nơi người học. QS bằng mọi giác quan và bằng cả trực giác. Có như vậy, giờ dạy ĐH mới thực sự trở về đúng chất của nó, giờ học khơi gợi, đánh thức tiềm năng tri giác ở người tiếp nhận VB. GV chỉ có thể giải quyết được vấn đề phù hợp với yêu cầu thực tiễn khi có sự QS thấu đáo. QS cũng nhằm cung cấp bằng chứng xác thực, làm căn cứ để đánh giá.

3.2. Chú tâm và kĩ lưỡng, khách quan và công bằng trong QS - cuộc hành trình đi đến sự hiểu của người đọc VB. Đối tượng QS của GV là HS, là quá trình hoạt động của HS trong chuỗi hoạt động tìm hiểu cách thức tiếp nhận VB và ĐH một VB cụ thể. GV chủ động QS trong suốt quá trình hướng dẫn ĐH. Chủ động QS để GV điều khiển các hoạt động của HS (chúng tôi tạm đặt tên) gồm: hoạt động bên ngoài và hoạt động bên trong.

3.2.1. QS hoạt động bên ngoài (như QS không gian lớp học). Nếu HS đang hoạt động nhóm, thuyết trình, thảo luận, GV cần QS và cảm nhận không khí, thần thái chung của cả lớp. QS biểu hiện tâm lí, cảm xúc qua hành vi, ánh mắt, lời nói, cử chỉ,... QS ở từng cá nhân HS để nhận biết trạng thái cảm xúc hay nhu cầu riêng tư khi HS tiếp xúc VB. QS sự kết nối VB - người đọc thông qua các biểu hiện: giọng đọc, âm đọc, cảm hứng người đọc; những câu hỏi, sự phản hồi (thắc mắc, băn khoăn) từ người đọc; lượng thông tin, nội dung được người đọc tiếp nhận qua câu hỏi của GV...

3.2.2. QS hoạt động bên trong là QS để biết hoạt động đọc của HS ở chiều sâu. QS để nhận diện được hoạt động nhận thức đang diễn ra song song với hoạt động tiếp nhận VB của người đọc. Sự QS hoạt động

bên trong giúp GV đánh giá thực chất năng lực hoạt động của HS, nhận diện được các loại năng lực, năng khiếu đang hình thành, phát triển.

Sự phân chia hoạt động bên ngoài và hoạt động bên trong của HS chỉ có tính tương đối. Thực tế trong dạy học, GV có kinh nghiệm không phân tách sự QS của mình một cách máy móc như vậy. Từ nhiều vị trí, QS cũng là trải nghiệm của GV. Chỉ nhìn những gì đang diễn ra một cách hời hợt, người dạy sẽ đánh mất cơ hội cùng hoạt động với người học. Dẫu người dạy đang im lặng QS thì đó là một hoạt động quan trọng và hữu ích, là sự thiết lập mối quan hệ, tương tác liên tục, hòa nhã giữa người dạy - người học.

QS không chỉ là nhìn và thấy. QS bằng tất cả sự chú tâm để cảm nhận, QS bằng cặp mắt chuyển động, bằng cảm giác bén nhạy. Người đọc VB có nhiều biểu hiện trạng thái tâm lí, tinh thần khi tiếp nhận VB. Trong lớp học, mỗi người một dáng vẻ, tâm trạng: yêu - ghét, chán nản - phấn khích, vui - buồn, đồng tình - phản đối,... Khi thấy rõ bức tranh tâm trạng của người học, nên nhớ rằng QS không đồng hành với định kiến và cái tôi chủ quan, chính là điều kiện để sự thật chân lí xuất hiện. Người QS (GV) cần phải khách quan và công tâm, có hành động phù hợp, giúp đỡ người học một cách hợp lí: GV tạo tình huống để khoảng cách giữa người dạy - người học luôn được thu hẹp, tạo ra sự thân thiện.

QS kĩ lưỡng và sâu sắc nghĩa là GV luôn để ý, không thể bỏ qua một thái độ, một hành vi, lời nói nào của người học. Mọi phán xét và đánh giá chỉ đạt được độ chân thực khi GV hiện thực hóa sự nhận biết qua cặp mắt QS tinh tường, thấu tận.

Tóm lại, để có giờ dạy ĐH mang lại hiệu quả cao, GV phải kĩ lưỡng, khách quan và công bằng trong HĐQS. Sự hiểu và biết về người học và cách họ đang đi tới mục tiêu bắt đầu từ những sự trải nghiệm, kinh nghiệm trực tiếp, đó là kết quả từ HĐQS chủ động và tích cực của GV. Sống với giờ dạy là một thực chứng trọn vẹn của GV thành công trong giảng dạy ĐH.

3.3. Hướng đến năng lực ĐHVB của HS - đích đến của HĐQS trong giờ ĐHVB. HS thường cảm thấy giờ học nhàm chán là vì GV chỉ đòi hỏi ở các em sự nỗ lực: nỗ lực đọc, nỗ lực nhận biết, nỗ lực lĩnh hội,... Hiểu biết hạn hẹp của GV về người học và cách mà người học đang thực hành là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc sa sút về chất lượng dạy và học. QS được xem là một hoạt động để đạt được sự hiểu biết sâu sắc và toàn vẹn về người học và đích đến của GV: năng lực của người học.

Những hiểu biết và tư tưởng được hình thành ngay khi tiếp nhận VB đã hòa vào cái tôi của chủ thể ĐH và

tác động, kết tụ ở tư duy, nhân cách của người đọc VB. Nếu lấy tiêu chí “HS làm trung tâm” trong giờ dạy ĐHV B thì mọi cử chỉ, tâm trạng, thái độ, phản ứng, phản hồi,... từ phía HS, GV có thể thông qua đó đánh giá chất lượng ĐH. GV khi QS có thể nhận diện được sự thay đổi này ở chủ thể ĐH qua chuyển biến ở tâm trạng, cảm xúc của chính họ. Do vậy, sự QS từ GV phải thực sự đúng cách. Nghĩa là đối tượng được QS là HS chứ không phải VB. Nhiều GV quá chú trọng trong quá trình hướng dẫn ĐHV B mà bỏ mặc HS. HS là đích đến của sự QS. GV trong bất kì hoàn cảnh nào cũng phải dành toàn bộ sự QS, suy xét, giao cảm cho đối tượng cơ bản nhất của họ, đó là HS. Xét về phương diện lí thuyết, nhiều quan điểm ĐH được trình bày và chú trọng ở VB ĐH hơn là đối tượng tham gia ĐH. Mọi ý niệm, xúc cảm của người tham gia ĐH đều bị chuyển hướng tới đích đến là VB, tức là đối tượng ĐH buộc nhập thân vào VB ĐH chứ không phải là ngược lại. HS cố gắng tái hiện VB theo đúng yêu cầu cần đạt chứ không phải là phô bày con người nội tại đang tiếp nhận VB ĐH. Vô hình chung, sản phẩm của giờ ĐH là mớ thông tin, nội dung có nghĩa một cách biệt lập, còn trong bản thể của người tham gia ĐH thì VB đó vô hồn, vô nghĩa.

Sự lệch lạc trong định hướng dạy và học ĐHV B cần phải điều chỉnh trong hoạt động của GV thông qua hoạt động tương tác với HS. Sự điều chỉnh này phải được thể hiện ở yêu cầu HĐQS. Sự hiểu và biết về người học và cách họ đang đi tới mục tiêu bắt đầu từ những sự trải nghiệm, kinh nghiệm trực tiếp, đó là từ QS. Bấy lâu, người ta hiểu QS là cái nhìn cận kề từ chủ thể QS tới đối tượng được QS. Thực tế, một số sự vật, hiện tượng lại không hề hiện hữu nơi hình tướng cái bản chất của nó. Vậy nên, ta phải chọn một phương thức QS như cách suy luận của George Berkeley là thông qua linh hồn của mình mà ta biết được linh hồn của người khác. Chân lí chỉ có thể tiếp cận được khi ta thâm nhập vào bản thể cuộc sống. Dạy ĐHV B cũng vậy, QS và nhập vai là hoạt động cần thiết giúp người QS (GV) tiến hành hoạt động có hiệu quả trong giờ dạy. VB tự thân nó luôn mới từng giờ, từng phút, bởi mỗi người đọc đều chờ đợi nó đáp ứng một cách tương thích từ cụ thể đến khái quát, từ khởi đầu cho đến đích đến... Cái mới của VB không nằm ở phần chữ nghĩa đã đông cứng mà nó mới mẻ, sinh động qua sự tiếp nhận, thưởng thức của người đọc. Chính từ mối quan hệ giữa VB - người đọc mà trong giờ dạy ĐHV B, GV không chỉ nhìn thấy khả năng học tập, ghi nhớ của HS mà cần thiết phải “nhập vai” HS để kịp thời định hướng các hoạt động của HS.

Vậy, thế nào là QS “nhập vai”? QS “nhập vai” là người QS (GV) dịch chuyển từ hai điểm: người dạy và người học để nhận diện đúng những gì đang diễn ra. Chẳng hạn, HS đang học cách đọc một VB thuộc thể loại trữ tình (**Bài ca ngất ngưởng**, Nguyễn Công Trứ); khi hoạt động thuyết trình của HS thực hiện, GV QS bằng vai người nghe để nhận xét, đánh giá nghe trong vai người học, để thấu hiểu đúng những gì họ cần, vì phương pháp dù hay đến mức nào cũng chỉ nhằm mục đích là đáp ứng nhu cầu của người học mà thôi. Vậy nên, ở VB trên, GV QS biểu hiện tâm lí của HS khi tiếp nhận VB của tác giả đầy cá tính và tài năng như Nguyễn Công Trứ. Đứng ở vị trí của HS để QS, hiểu rõ những gì HS nắm bắt, chưa thể nhận biết, chưa được sáng rõ. Từ đó, VB ĐH được khám phá đúng hướng theo cách mà HS tự vận động để đi đến hiểu được VB theo cách của họ.

3.4. Sự QS giúp điều chỉnh hoạt động của GV và HS như bẻ lái cho con tàu đi đúng lộ trình. Để đường truyền được duy trì và mang lại hiệu quả cao nhất cho người đọc, GV phải không ngừng QS và giả định sản phẩm của quá trình tương tác: VB - người đọc. Không có một quy tắc cứng nhắc nào cho quá trình tiếp xúc giữa người đọc và VB bởi mỗi chủ thể đọc là một cá thể riêng biệt trong quá trình lĩnh hội VB đó. Mọi ý nghĩ, suy luận, kết luận của người đọc VB đều là kết quả của một quá trình tiếp xúc với sự đa dạng của trí nghĩ như: nêu ra ý kiến, lí giải, thấu tóm,... VB chính là tiền đề, là căn cứ để người đọc dịch chuyển những dữ liệu gốc thành những kết luận. Người dạy cần phải hiểu rõ sự dịch chuyển thông tin từ VB sang kết luận thuộc về phía người đọc VB mang một ý nghĩa, một mối liên hệ, một kinh nghiệm có nét riêng và có tính phổ quát. Chẳng hạn, đọc tác phẩm **Chí Phèo** của nhà văn Nam Cao, từ số phận bi kịch của nhân vật, người đọc VB nhìn thấy được một xã hội mang tính tha hóa, tha hóa ở từng cá thể, tha hóa ở cả một phận, một lớp người trong xã hội. Người đọc cần dừng lại để kiếm tìm sự tương đồng hay những hiện tượng mang tính phổ biến ngay chính cộng đồng mình. Ngay thời điểm này, HĐQS là vô cùng quan trọng. GV có thể QS thái độ, tình cảm của người đọc để dẫn dắt HS đi đúng con đường hình thành sự cảm nghiệm, suy luận... Cái khó của việc đọc là không có đối tượng hiển hiện ngay trước mắt, chỉ có thể giới ngôn từ thoát ẩn hiện bao chứa những nội dung thông báo. Cái lĩnh nhận được lại không thuộc về những gì người đọc QS thấy mà hoàn toàn được suy luận từ câu chữ của VB. GV QS và liên tục nêu ra những định hướng. Khi HS băn khoăn: “Tại sao Nam Cao có thể xót thương cho một Chí Phèo lấy lỗi đen đúa, mất nhân phẩm

đến như thế?”, thì GV trả lời bằng việc đưa ra những dữ kiện để HS QS. Cụ thể là với câu trả lời: “Chí Phèo đáng giận mà đáng thương bởi lẽ quá khứ của Chí Phèo là hai mảng sáng tối tạo nên tiền đề của bi kịch. Chí Phèo bị dồn vào bước đường cùng, bị tước đoạt quyền làm người, bị đẩy vào bế tắc khi hẳn muốn sống đời lương thiện nhưng không ai cho hẳn lương thiện. Tiếng thét của con quỷ dữ “ai cho tao lương thiện” là âm vang của lương tri đã được đánh thức của khát vọng sống, khát khao được sống đời lương thiện”. Từ ví dụ trên cho thấy rằng, HĐQS nếu chỉ hiểu là nhìn thấy là một sự hiểu vô cùng lệch lạc. QS ở đây cũng chính là sự kiểm soát một cách khách quan và công bằng cuộc hành trình đi đến sự hiểu của người đọc VB. Cùng với việc chủ động tiếp nhận VB của người học, GV phải lưu tâm đến họ, theo dõi và điều chỉnh, kể cả việc tra vấn để khám phá đối tượng. Nếu đối tượng QS của GV - là HS - bị bỏ quên trong quá trình ĐHVB, kết quả của ĐH sẽ trở nên vô ích bởi VB không phải là đích cuối của quá trình ĐH mà quan trọng nhất chính là những gì họ tiếp nhận được đã chuyển hóa thành năng lực thực tiễn, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và cộng đồng trong đời sống hiện tại.

HĐQS mang lại hiệu quả trong sự tương tác giữa

chủ thể của hoạt động dạy (GV) và chủ thể của hoạt động học (HS). Trong xu thế đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục ở nước ta hiện nay, dạy học hướng đến mục tiêu phát triển năng lực của HS, GV cần phải “nhập vai” hiệu quả, thấu hiểu HS để hướng dẫn, hỗ trợ tích cực cho hoạt động học tập. “...Người thầy phải cùng trẻ em bước vào mặt sau của chiếc gương, bước vào chiếc lăng trụ của sự tưởng tượng, nhìn mọi sự bằng con mắt của trẻ em với mọi hạn chế bắt nguồn từ kinh nghiệm riêng của chúng; thế nhưng, bởi người thầy tất yếu phải bước ra khỏi chiếc gương đó, vì thế mà người thầy còn phải đủ khả năng khôi phục lại cách nhìn theo quan điểm của người lớn để cung cấp cho trẻ em những mốc tri thức và phương tiện của phương pháp” [3; tr 12]. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Viết Vượng (1997). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] John Dewey (2014). *Cách ta nghĩ* (Vũ Đức Anh dịch, tái bản lần thứ nhất). NXB Tri thức.
- [3] John Dewey (2010). *Dân chủ và giáo dục* (Phạm Anh Tuấn dịch). NXB Tri thức.
- [4] George Berkeley (2014). *Một nghiên cứu về các nguyên tắc nhận thức của con người*. NXB Tri thức.
- [5] Nguyễn Viết Chữ (2006). *Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương (theo thể loại)*. NXB Đại học Sư phạm.

Các yếu tố ảnh hưởng đến việc...

(Tiếp theo trang 155)

cho trẻ các kĩ năng cần thiết cũng như có rất nhiều yếu tố tác động ảnh hưởng trực tiếp tới việc đọc của trẻ. Các nhà GD, GV mầm non cũng như phụ huynh sẽ chú ý và quan tâm đầy đủ hơn tới việc hình thành khả năng đọc cho TMG lớn, giúp trẻ bước vào lớp Một có đủ tiềm lực học tốt các môn học và tự tin hơn ở lớp đầu tiểu học. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Thị Lan Anh (2009). *Sử dụng trò chơi nhằm phát triển khả năng tiền đọc - viết cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi ở trường mầm non*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học.
- [2] Glenn Doman, Janet Doman (Mai Hương dịch, 2006). *Dạy trẻ biết đọc sớm*. NXB Lao động - Xã hội.
- [3] Editor - Mary Eming Young (200). *From Early Child Development to Human Development*. The World Bank Washington, D.C.
- [4] Đinh Hồng Thái (2013). *Một số kiến bản về hình thành khả năng đọc tuổi mầm non*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, tháng 7.
- [5] Kimura Kyuichi (2012). *Thiên tài và giáo dục sớm*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

Phát huy tính tích cực nhận thức...

(Tiếp theo trang 158)

BĐTD là một công cụ ghi chú hiệu quả, giúp SV có thể thay đổi phong cách học và tư duy trong học tập. Với SV tại các trường cao đẳng sư phạm, đây còn là một công cụ tích cực để đa dạng hóa cho bài giảng và giúp SV có cái nhìn khái quát, tổng thể và sâu sắc về kiến thức khi được học dưới các BĐTD. Để áp dụng BĐTD trong giảng dạy, GV cần hiểu rõ về BĐTD, những lưu ý khi sử dụng BĐTD để áp dụng linh hoạt vào từng nội dung bài học cho phù hợp và hiệu quả. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Lăng Bình (2010). *Một số phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Trần Đình Châu - Đặng Thị Thu Thủy (2011). *Dạy tốt - học tốt các môn học bằng bản đồ tư duy*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Thái Duy Tuyên (2008). *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*. NXB Giáo dục.
- [4] Tony Buzan (2008). *Sơ đồ tư duy*. NXB Tổng hợp.
- [5] Tony Buzan (2008). *Lập bản đồ tư duy*. NXB Lao động - Xã hội.